TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Chí Thân

Ông Đinh Đức Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1987; nơi thường trú: khu 1, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1973; nơi thường trú: khu 1, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Về tình cảm: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại khu 1, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè, không quan tâm, chăm lo cho gia đình vợ con, giữa hai người không còn sự cảm thông, yêu thương, tin tưởng lẫn nhau. Trước đó. Vào năm 2019 chị đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T, trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh T đã xin lỗi

chị và hứa sẽ thay đổi, do đó chị đã rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó thực tế anh T không hề thay đổi như anh nói. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hòa giải được, hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, chị H thấy bản thân không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017. Quan điểm của chị H tại phiên tòa là muốn trực tiếp nhận nuôi con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị H trình bày chị và anh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của bị đơn (anh Nguyễn Ngọc T) như sau:

Anh và chị Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H đã trình bày là đúng. Đối với quan điểm yêu cầu ly hôn của chị H thì anh không đồng ý. Anh T mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh hứa sẽ sửa chữa những lỗi lầm của mình.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thu H có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017. Quan điểm của anh là nếu ly hôn, anh muốn trực tiếp nhận nuôi con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh T trình bày anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2023 tại phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chính quyền địa phương đã xác nhận: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q vào ngày 17/11/2015, cả chị H và anh T đều cư trú tại khu 1, phường Y, thị xã Q. Cuộc sống vợ chồng anh T và chị H khá hạnh phúc cho đến khoảng tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất hòa, không có tiếng nói chung dẫn đến không còn hạnh phúc. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị H đề nghị ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, hai người có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017, hiện cháu D đang ở với chị H; về tài sản chung và nợ chung, chính quyền địa phương không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H: cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; về con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng con chung; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; chị H và anh T đều có nơi cư trú tại thị xã Quảng Yên, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều thừa nhận mâu thuẫn gia đình là do anh T thiếu sự quan tâm đến vợ con, thường xuyên vắng nhà, tụ tập bạn bè, chơi bời không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với chị H công việc gia đình. Như vậy anh T đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T cần căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của hai người.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần, nhưng tại phiên tòa chị H vẫn xác định không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn anh T. Thực tế hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân.

Anh Nguyễn Ngọc T thừa nhận có sự thiếu quan tâm đến vợ, con về mặt tinh thần, nhưng vẫn chu cấp về tài chính cho gia đình. Mặc dù anh thừa nhận có những lỗi lầm, xin lỗi vợ và hứa sẽ thay đổi nhưng lại không đưa ra được giải pháp nhằm hàn gắn tình cảm để chị H chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T đã diễn ra trong một thời gian dài, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, có căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy: trong đời sống hôn nhân, giữa vợ và chồng phải thực sự có sự yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau thì mới xây dựng được một gia đình hạnh phúc, nếu một bên vợ hoặc chồng không còn tình cảm thì cưỡng ép sống chung với nhau cũng không mang lại kết quả, không đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thu H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017. Quan điểm của chị H và anh T đều muốn trực tiếp nhận nuôi con chung và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy: chị Nguyễn Thu H đã cung cấp văn bản: "Giấy xác nhận thu nhập" của Công ty TNHH Công nghiệp Jinko Solar (Việt Nam) nơi chị làm việc thể hiện chị có công việc và mức lương hàng tháng ổn định. Hiện tại chị H cũng là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc Minh D. Như vậy, chị H có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Hằng, giao con chung Nguyễn Ngọc Minh D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Ngọc T đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 11/5/2017 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Nguyễn Ngọc T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thu H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003760 ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, chị Hằng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND p. Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Huy